

Số: 251/TB-MNHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 05 tháng 07 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách II quý năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách 2 Quý năm 2024 của trường Mầm non Hồng Thái Đông.

Nhà trường thông báo công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 2 Quý năm 2024 (theo biểu mẫu số 3 ngày 05/07/2024 đính kèm)

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

Địa điểm niêm yết:

+ Bảng tin trường Mầm non Hồng Thái Đông.

+ Địa chỉ trang điện tử: mnhongthaidong.dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận :

- Phòng TCKH TX Đông Triều,
- Phòng GD&ĐT TX Đông Triều;
- BGH nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Miến

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MN HỒNG THÁI ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622-070-071

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồng Thái Đông, ngày 05 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH II QUÝ NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Hồng Thái Đông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 2 quý năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024+ Bổ sung	Thực hiện 2 quý năm 2024	Thực hiện 2 quý /Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 2 quý năm 2024 so với 2 quý năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	355,900	22,500	6,32	
1	Lệ phí				
2	Phí	355,900	22,500	6,32	
	Học phí	355,900	22,500	6,32	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	355,900	-	0,00	
I	Chi sự nghiệp	355,900	-	0,00	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	355,900	-	0,00	
	Chi thanh toán cá nhân	213,540	-	0,00	
	Mục 6000: Tiền lương	213,540	-	0,00	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		
	Mục 6200: Tiền thưởng		-		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		-		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		-		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	121,360	-	0,00	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	20,000		0,00	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	24,000	-	0,00	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024+ Bổ sung	Thực hiện 2 quý năm 2024	Thực hiện 2 quý /Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 2 quý năm 2024 so với 2 quý năm 2023 (tỷ lệ %)
	Mục 6650: Hội nghị		-		
	Mục 6700: Công tác phí		-		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	20,000	-	0,00	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	32,000	-	0,00	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	25,360	-	0,00	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		-		
	Các khoản chi khác	21,000	-	0,00	
	Mục 7750: Chi khác	21,000	-	0,00	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.742,772	2.754,978	47,97	138,07
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.742,772	2.754,978	47,97	138,07
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.742,772	2.754,978	47,97	138,07
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.611,774	2.660,588	47,41	133,34
a	Chi thanh toán cá nhân	4.593,814	2.239,655	48,75	131,19
	Mục 6000: Tiền lương	2.629,272	1.261,476	47,98	125,77
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.256,703	635,694	50,58	142,99
	Mục 6150: Hỗ trợ cho cán bộ đi học				
	Mục 6200: Tiền thưởng	19,440	-	0,00	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024+ Bổ sung	Thực hiện 2 quý năm 2024	Thực hiện 2 quý /Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 2 quý năm 2024 so với 2 quý năm 2023 (tỷ lệ %)
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12,000	2,400	20,00	100,00
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	676,399	340,085	50,28	132,20
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-			
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	823,803	316,270	38,39	174,39
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	102,803	41,335	40,21	162,14
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	80,000	71,935	89,92	730,30
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	12,000	9,765	81,38	226,36
	Mục 6650: Hội nghị	5,000	-	0,00	
	Mục 6700: Công tác phí	17,000	9,380	55,18	195,42
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	67,000		0,00	-
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	290,000	88,918	30,66	801,86
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	15,000	-	0,00	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	225,000	94,937	42,19	110,70
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10,000		0,00	
c	Các khoản chi khác	194,157	104,663	53,91	98,04
	Mục 7750: Chi khác	194,157	104,663	53,91	98,04
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	130,998	94,390	72,05	
a	Chi thanh toán cá nhân	-	-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học		-		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	130,998	94,390	72,05	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	119,808	83,200	69,44	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	11,190	11,190	100,00	



Hiệu trưởng

Vũ Thị Miến